

Tổng hợp kiến thức về Mệnh đề quan hệ rút gọn với "The first"

Trong tiếng Anh, mệnh đề quan hệ (Relative Clauses) được dùng để bổ nghĩa cho danh từ đứng trước nó. Để câu văn ngắn gọn và tự nhiên hơn, chúng ta có thể rút gọn mệnh đề quan hệ. Một trong những trường hợp rút gọn phổ biến và quan trọng là sử dụng cụm động từ nguyên mẫu có "to" (to-infinitive phrase), đặc biệt khi mệnh đề quan hệ đứng sau các cụm từ chỉ thứ tự.

1. Khi nào sử dụng mệnh đề quan hệ rút gọn với "to-infinitive"?

Chúng ta rút gọn mệnh đề quan hệ thành cụm động từ nguyên mẫu có "to" khi danh từ mà nó bổ nghĩa được đứng trước bởi các từ hoặc cụm từ sau:

- **Số thứ tự (Ordinal Numbers):** the first, the second, the third,...
- **So sánh nhất (Superlatives):** the best, the most beautiful, the tallest,...
- **Các từ đặc biệt khác:** the last, the next, the only.

2. Các dạng rút gọn mệnh đề quan hệ với "to-infinitive"

Tùy thuộc vào mệnh đề quan hệ gốc ở dạng chủ động hay bị động, chúng ta sẽ có hai cách rút gọn khác nhau.

2.1. Với mệnh đề quan hệ chủ động (Active Relative Clause)

Khi động từ trong mệnh đề quan hệ mang nghĩa chủ động, ta lược bỏ đại từ quan hệ (who, which, that) và chuyển động từ chính về dạng nguyên mẫu có "to" (to-infinitive).

Công thức: S + V + (the first/last/only/...) + N + who/which/that +

V(s/es) ... → S + V + (the first/last/only/...) + N + to V-inf...

Ví dụ:

1. **Câu gốc:** Neil Armstrong was the first person **who walked** on the moon.

Câu rút gọn: Neil Armstrong was the first person **to walk** on the moon.

(Neil Armstrong là người đầu tiên đi bộ trên mặt trăng.)

2. **Câu gốc:** He is the only student in our class **that understands** this problem.

Câu rút gọn: He is the only student in our class **to understand** this problem.

(Anh ấy là học sinh duy nhất trong lớp chúng tôi hiểu vấn đề này.)

3. **Câu gốc:** She is always the last one **who leaves** the office.

Câu rút gọn: She is always the last one **to leave** the office.

(Cô ấy luôn là người cuối cùng rời văn phòng.)

2.2. Với mệnh đề quan hệ bị động (Passive Relative Clause)

Khi động từ trong mệnh đề quan hệ mang nghĩa bị động, ta lược bỏ đại từ quan hệ và trợ động từ "be", sau đó chuyển mệnh đề thành dạng "to be + V3/ed".

Công thức: S + V + (the first/last/only/...) + N + who/which/that + be + V3/ed... → S + V + (the first/last/only/...) + N + to be V3/ed...

Ví dụ:

1. **Câu gốc:** This is the second house **that was built** in this street.

Câu rút gọn: This is the second house **to be built** in this street.

(Đây là ngôi nhà thứ hai được xây trên con phố này.)

2. **Câu gốc:** The first prize **which was awarded** at the ceremony went to a young musician.

Câu rút gọn: The first prize **to be awarded** at the ceremony went to a young musician.

(Giải thưởng đầu tiên được trao tại buổi lễ đã thuộc về một nhạc sĩ trẻ.)

3. **Câu gốc:** This is the most important lesson **that must be learned**.

Câu rút gọn: This is the most important lesson **to be learned**.

(Đây là bài học quan trọng nhất cần phải học.)

2.3. Rút gọn với dạng hoàn thành (Perfect Infinitive)

Khi hành động trong mệnh đề quan hệ xảy ra trước hành động trong mệnh đề chính, ta dùng dạng hoàn thành (to have V3/ed) để nhấn mạnh sự khác biệt về thời gian.

- **Chủ động: to have V3/ed**
- **Bị động: to have been V3/ed**

Ví dụ:

1. **Câu gốc:** He was the only person **who survived** the crash.

Câu rút gọn: He was the only person **to have survived** the crash. (Hành động 'sống sót' xảy ra trước hành động 'kể lại' hoặc 'được xác định là người duy nhất')

2. **Câu gốc:** The third student **who was chosen** for the team had already won several awards.

Câu rút gọn: The third student **to have been chosen** for the team had already won several awards.

3. Bảng tổng hợp so sánh

Loại mệnh đề	Mệnh đề quan hệ đầy đủ	Mệnh đề rút gọn
Chủ động	... the first person who arrives...	... the first person to arrive...
Bị động	... the best song that was performed...	... the best song to be performed...
Chủ động (Hoàn thành)	... the last man who left the ship...	... the last man to have left the ship...

4. Lưu ý quan trọng

- Phương pháp rút gọn này **chỉ áp dụng** khi có các từ chỉ thứ tự, so sánh nhất, the last, the next, the only.
- Không áp dụng cho các mệnh đề quan hệ thông thường khác.

Ví dụ: The man **who lives** next door is a doctor. (**Không thể** rút gọn thành: The man **to live** next door is a doctor.)

- Nếu chủ ngữ của hai mệnh đề khác nhau, chúng ta có thể thêm cụm "for + O" trước "to-infinitive".

Ví dụ: This is the best solution **for you to consider**.

5. Bài tập vận dụng

Viết lại các câu sau bằng cách rút gọn mệnh đề quan hệ.

1. The next person who enters the room will get a surprise.
2. This is the most delicious cake that has ever been made.
3. She was the only one who didn't agree with the plan.
4. The first student that was asked a question couldn't answer.
5. John was the last person who finished the test.

Đáp án

1. The next person to enter the room will get a surprise.
2. This is the most delicious cake to have ever been made. (Hoặc: to be made)
3. She was the only one not to agree with the plan. (Dạng phủ định)
4. The first student to be asked a question couldn't answer.
5. John was the last person to finish the test.